



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 11

Số 42 (15/11/2006)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
09-11-2006	- Quyết định số 160/2006/QĐ-UBND về kiện toàn tổ chức bộ máy và ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn.	3
10-11-2006	- Quyết định số 162/2006/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 137/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ nông dân phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa.	16
10-11-2006	- Quyết định số 163/2006/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu bổ sung dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006.	18

-
- | | | |
|------------|--|----|
| 10-11-2006 | - Quyết định số 164/2006/QĐ-UBND về phê duyệt Đề cương Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010. | 21 |
| 14-11-2006 | - Quyết định số 165/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2006 - 2010. | 30 |
| 14-11-2006 | - Quyết định số 166/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010. | 41 |

LIÊN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG – CỤC THUẾ THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 25-10-2006 | - Hướng dẫn số 10738/HD-LS về ghi nợ tiền sử dụng đất. | 53 |
|------------|--|----|

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- | | | |
|------------|--|----|
| 06-11-2006 | - Quyết định số 180/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình công trên địa bàn quận 12. | 57 |
|------------|--|----|

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 160/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về kiện toàn tổ chức bộ máy và ban hành Quy chế (mẫu)
tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện
và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 121/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Quyết định số 104/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 584/TTr-SNV ngày 27 tháng 9 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay kiện toàn tổ chức bộ máy Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn.

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn không có con dấu riêng.

Số lượng thành viên của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trên cơ sở tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo nguyên tắc bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, ưu tiên bố trí, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong các đợt công tác cao điểm có thể huy động thêm lực lượng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ Quy chế (mẫu) ban hành kèm theo Quyết định này và các quy định pháp luật liên quan, chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện, Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn phù hợp với tình hình quận - huyện, phường - xã, thị trấn và đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Kinh phí hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện, Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn: chế độ phụ cấp cho các thành viên (theo hình thức hợp đồng khoán việc); trang bị phương tiện, trang phục; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khen thưởng, Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ nguồn thu phạt về lĩnh vực quản lý trật tự đô thị tại quận - huyện, phường - xã, thị trấn và khả năng cân đối ngân sách từng quận - huyện để quyết định theo khung quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 01 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ (Mẫu)

**Về tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện,
Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 160/2006/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng

1. Nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện, Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về xây dựng và trật tự đô thị, bảo đảm cho tổ chức, cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ trên các lĩnh vực nêu trên theo đúng quy định pháp luật.

2. Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và thi hành các quyết định cưỡng chế tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử phạt hành chính nhưng không tự giác chấp hành quyết định.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ QUẬN - HUYỆN

Điều 2. Chức năng của Đội Quản lý trật tự đô thị

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, có chức năng giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này đúng với chính sách, luật pháp, các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Quản lý trật tự đô thị

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu như sau:

1. Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản yêu cầu tổ chức và cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trên các lĩnh vực:

- a) Về quản lý xây dựng trên địa bàn quận - huyện;
- b) Về vệ sinh môi trường trên địa bàn quận - huyện;
- c) Về trật tự lòng lề đường, nơi công cộng trên địa bàn quận - huyện.

2. Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện trong việc phối hợp các ngành liên quan xử lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn quận - huyện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định đã ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức và cá nhân trên địa bàn quận - huyện không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Phạm vi thi hành các quyết định hành chính gồm: Quyết định giải quyết tranh chấp nhà, đất của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hình thức phạt bổ sung (trừ trường hợp có quyết định tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35, Điều 42 của Luật Khiếu nại, tố cáo); quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân quận - huyện, thành phố hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn quận - huyện.

5. Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về hoạt động của Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn và hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu.

6. Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện còn thực hiện thêm một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG CỦA
ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ QUẬN - HUYỆN

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Đội Quản lý trật tự đô thị

1. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có Đội trưởng, từ 1 đến 2 Đội phó và các thành viên.

a) Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm;

b) Đội trưởng là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện về toàn bộ công tác của Đội, đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành về các hoạt động liên quan;

c) Đội phó là người giúp việc cho Đội trưởng, được Đội trưởng phân công phụ trách một số công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trước Đội trưởng về những phần việc được phân công phụ trách. Khi Đội trưởng đi vắng phải phân công một Đội phó thay mặt điều hành hoạt động của Đội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội trưởng:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực trật tự đô thị; quyết định cưỡng chế thi hành quyết định.

b) Phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính đã có hiệu lực thi hành.

c) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đội, kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện những vấn đề phức tạp, phát sinh khi thi hành quyết định.

d) Ký các văn bản liên quan chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đội theo quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội phó:

Đội phó có nhiệm vụ giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

4. Nhiệm vụ của các thành viên:

Chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội;

Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản xử lý theo quy định và tham gia triển khai thực hiện quyết định xử phạt hành chính.

Điều 5. Số lượng của Đội Quản lý trật tự đô thị

a) Căn cứ khối lượng công việc và tình hình cụ thể ở từng địa phương, Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định số lượng thành viên của Đội trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, ưu tiên bố trí, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

b) Trong các đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có thể huy động thêm lực lượng (kể cả các Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn) để thực hiện nhiệm vụ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ QUẬN - HUYỆN

Điều 6. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện thực hiện thời gian làm việc theo quy định của Nhà nước và theo quy định của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

b) Đội trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của Đội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện về hiệu quả công tác của Đội. Đội trưởng phân công công việc cho Đội phó và các thành viên.

c) Thành viên của Đội được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc đồng thời phải đeo thẻ thành viên Đội khi thi hành nhiệm vụ;

d) Từng thành viên phải có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Đội, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

2. Chế độ hội họp, báo cáo:

a) Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện hàng tuần tổ chức họp Đội để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng tổ chức giao ban với các Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và phổ biến các chủ trương, kế hoạch, biện pháp mới của Nhà nước và Ủy ban nhân dân quận - huyện nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;

Khi cần, Đội trưởng có thể tổ chức họp Đội đột xuất hoặc họp với các Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn để triển khai các công việc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

b) Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Đội báo cáo sơ - tổng kết công tác và thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 7. Mọi quan hệ công tác

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với các sở - ngành thành phố liên quan:

Đội chịu sự thanh tra, kiểm tra của các sở - ngành về chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của giám đốc sở; được hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và chính sách, quy định mới của sở - ngành có liên quan; phối hợp với tổ chức thanh tra xây dựng thành phố trong công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm xây dựng theo quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận - huyện. Đội trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về xây dựng, về quy hoạch xây dựng, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn trên địa bàn quận - huyện, nhằm tạo điều kiện giúp Đội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Đội hoạt động có hiệu quả.

5. Đối với Công an quận - huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với Đội Cảnh sát trật tự cơ động quận - huyện thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Được Công an quận - huyện hỗ trợ, bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự trong khi thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận - huyện:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị thường xuyên phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội quận - huyện trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước trên các lĩnh vực liên quan trật tự xây dựng, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường.

b) Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Đội, Đội trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

7. Đối với các ngành liên quan khác của quận - huyện và Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định;

Trong phối hợp giải quyết công việc, nếu có ý kiến khác nhau mà sau khi trao đổi, bàn bạc chưa thống nhất được những vấn đề quan trọng, Đội trưởng phải báo cáo kịp thời để Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định.

8. Đối với Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị hướng dẫn, tập huấn, trao đổi về nghiệp vụ liên quan đối với Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn; phối hợp tổ chức kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền trên địa bàn phường - xã, thị trấn.

Chương V

TỔ QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN

Điều 8. Tổ chức của Tổ Quản lý trật tự đô thị

1. Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức, chỉ đạo và quản lý trực tiếp. Tổ có Tổ trưởng, 1 Tổ phó và một số thành viên.

2. Số lượng thành viên Tổ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn đề xuất Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trên cơ sở đảm bảo trật tự đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn;

Trong các đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có thể huy động thêm lực lượng theo quyết định của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn

Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn có nhiệm vụ:

1. Giúp Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản, yêu cầu tổ chức và cá nhân chấm dứt ngay các hành vi vi phạm trên lĩnh vực liên quan, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo dõi việc thực hiện các quyết định xử phạt. Trong trường hợp tổ chức và cá nhân không tự giác chấp hành, Tổ trưởng phải đề xuất tổ chức cưỡng chế thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan giải quyết đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn phường - xã, thị trấn theo Quyết định số 104/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Giúp Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn lập hồ sơ ban đầu về vi phạm hành chính trên lĩnh vực trật tự đô thị và chuyển hồ sơ về Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện đối với các hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

4. Thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về:

a) Phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định.

b) Trong việc áp dụng các hình thức phạt bổ sung của quyết định xử lý vi phạm hành chính: tạm giữ phương tiện, công cụ, vật tư được dùng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc công dân; buộc tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần công trình xây dựng vi phạm, công trình xây dựng không giấy phép.

5. Tổ Quản lý trật tự đô thị hoạt động độc lập nhưng có sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng:

a) Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ, đảm bảo hoạt động của Tổ theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế về tổ chức và hoạt động; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn những vấn đề phức tạp, phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể phường - xã, thị trấn, Trưởng khu phố (ấp), Tổ trưởng tổ dân phố vận động người vi phạm tự giác thực hiện, trong trường hợp người vi phạm không chấp hành phải đề xuất thủ tục tiếp theo để cưỡng chế thi hành quyết định.

c) Hàng tháng dự họp giao ban với Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ và tiếp nhận kế hoạch, phương hướng công tác tháng tới làm cơ sở xây dựng kế hoạch công tác của Tổ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ phó:

Tổ phó có nhiệm vụ giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Nhiệm vụ của các thành viên:

Chấp hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Tổ;

Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản và tham gia triển khai thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Thành viên Tổ được cử đi tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ và kiến thức pháp luật do thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức.

Điều 11. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Thời gian làm việc của Tổ thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn;

b) Thành viên của Tổ được phân công nhiệm vụ cụ thể, đồng thời phải mặc trang phục, đội mũ và đeo thẻ khi thi hành nhiệm vụ;

c) Từng thành viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Tổ, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân đến liên hệ công tác.

2. Chế độ hội họp:

Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn hàng tuần tổ chức họp Tổ để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác tuần qua, đề ra và phân công công tác tuần tới cho các thành viên, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước có liên quan, các biện pháp thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và Đội Quản lý trật tự đô thị quận cho phù hợp tình hình mới phát sinh tại địa phương;

Tổ có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

3. Chế độ báo cáo:

Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Tổ báo cáo công tác và thống kê tình hình tổ chức thực hiện các quyết định hành chính cho Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện;

Điều 12. Mọi quan hệ công tác:

Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện:

Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thực hiện mối quan hệ phối hợp với Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện trong việc cưỡng chế thi hành quyết định buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn phường - xã, thị trấn;

Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn được sự hướng dẫn nghiệp vụ và tập huấn của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện.

2. Đối với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn. Tổ trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Công an phường - xã, thị trấn:

Tổ phối hợp với Công an phường - xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ lập lại trật tự đô thị gắn với an toàn giao thông trên địa bàn phường - xã, thị trấn theo quy định và theo chương trình, kế hoạch công tác khác của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, ngành khác thuộc phường - xã, thị trấn:

Tổ có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ công tác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định;

Khi các tổ chức nói trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổ, Tổ trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn giải quyết.

5. Đối với công chức phụ trách địa chính - nhà đất phường - xã, thị trấn:

Công chức chuyên môn có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu quy định về xây dựng, quy hoạch, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn trên địa bàn nhằm tạo điều kiện giúp Tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chương VI **KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

Điều 13. Kinh phí hoạt động (chế độ trang bị phương tiện, trang phục, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khen thưởng...) của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện, Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn, thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn và các cơ quan, tổ

chức thuộc quận - huyện, cán bộ, công chức có liên quan ở phường - xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện, giao Đội trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn báo cáo sơ kết việc thực hiện Quy chế, rút kinh nghiệm những mặt làm được, chưa làm được, đề xuất những vấn đề mới phát sinh theo yêu cầu nhiệm vụ; giao Phòng Nội vụ theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân quận - huyện bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 137/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ nông dân phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 30/2006/CT-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá trên cây lúa;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, trừ dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá trên lúa đối với các tỉnh phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào);

Căn cứ công văn số 1912/BNN-BVTV ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về khung chính sách phòng, trừ dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1533/SNN-KHTC ngày 10 tháng 11 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh một số điều, khoản tại Quyết định số 137/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ nông dân phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa; cụ thể:

- Tại Điều 6, khoản 6.1 điều chỉnh như sau:

“Nếu nông dân tình nguyện tiêu hủy được hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha bao gồm tiền thuốc trừ sâu, công phun xịt (nếu có rầy nâu xuất hiện trên lúa), công tiêu hủy và 120 kg lúa giống cho vụ Mùa 2006 và vụ Đông Xuân 2006 - 2007. Nếu không còn rầy nâu hỗ trợ 1.700.000 đồng/ha bao gồm công tiêu hủy và 120 kg lúa giống”.

- Tại Điều 11. Trợ cấp khó khăn, điều chỉnh như sau:

“Tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể Ủy ban nhân dân các quận - huyện có thể xem xét trợ cấp đột xuất 12 kg gạo/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa là 6 tháng đối với các hộ thực sự khó khăn”.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp, Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, thành đoàn tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Thành đoàn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 163/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về giao chỉ tiêu bổ sung dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1194/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 4060/2005/QĐ-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2005/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, thông qua tại kỳ họp lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2005 về tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2005, dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 210/2005/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006;

Xét đề nghị của Liên Sở Giao thông - Công chính và Sở Tài chính tại Công văn số 429/TT-LS ngày 31 tháng 10 năm 2006 trình duyệt bổ sung vốn duy tu năm 2006 cho Sở Giao thông - Công chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Sở Giao thông - Công chính chỉ tiêu bổ sung dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2006 thuộc nguồn vốn ngân sách tập trung theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Sau khi nhận được chỉ tiêu bổ sung dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006, Sở Giao thông - Công chính tiến hành phân bổ và giao dự toán chi

cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc đúng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và bổ sung, điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 210/2005/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố, các nội dung chi cho công tác duy tu khác không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2006**ĐƠN VỊ: SỞ GIAO THÔNG - CÔNG CHÍNH****CHỈ TIÊU ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/2006/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch đã giao năm 2006 (Theo Quyết định số 210/2005/QĐ-UBND ngày 09-12-2005)	Kế hoạch năm 2006 điều chỉnh	Ghi chú
1	Khởi sự nghiệp duy tu giao thông	203.000	236.000	Bao gồm cầu, đường, chiếu sáng, đường sông, đò phà.
2	Công viên cây xanh	48.000	55.000	
3	Công ty Chiếu sáng công cộng	60.000	53.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 164/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Đề cương Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 03/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2006;

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp tại Công văn số 1339/SCN-KHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2006 về Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề cương Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, quận - huyện và các đơn vị có liên quan để triển khai các chương trình cụ thể nhằm thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp của thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện,
Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG

Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 164/2006/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Trong giai đoạn vừa qua, công nghiệp trên địa bàn thành phố phát triển tương đối nhanh. Năng lực sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố phát triển đa dạng. Nhiều loại hàng hóa tiêu dùng thông thường, trước đây do hàng ngoại nhập chiếm lĩnh, nay các doanh nghiệp thành phố gần như chiếm ưu thế. Nhiều sản phẩm công nghiệp của thành phố chiếm tỷ trọng cao so với cả nước. Sản phẩm công nghiệp xuất khẩu tăng cao... Tuy nhiên, qua quá trình phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn vẫn thể hiện một số tồn tại chưa được giải quyết, ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng công nghiệp nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung, cụ thể:

- Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố vẫn là những ngành thâm dụng lao động, thu hút nhiều lao động nhập cư, áp lực tăng dân số ngày càng cao, gây ra sức ép nặng nề trong quản lý đô thị.

- Đa số doanh nghiệp công nghiệp có trình độ công nghệ trung bình và dưới trung bình (trung bình 32%, 43% dưới trung bình, chỉ có 25% hiện đại).

- Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thành phố còn yếu: năng suất lao động, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, giá trị gia tăng, năng lực tiếp thị còn rất hạn chế.

- Ngành cơ khí chế tạo chưa làm được vai trò chủ đạo trong đổi mới thiết bị, do vậy hầu hết thiết bị mới đều phải nhập khẩu.

- Công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển nên phần lớn nguyên phụ liệu của nhiều ngành sản xuất vẫn phải nhập khẩu. Hậu quả là thời gian thực hiện đơn hàng kéo dài, chi phí cao, giá trị gia tăng tạo ra thấp...

Với những lý do trên, công nghiệp trên địa bàn tuy có tăng trưởng về mặt số lượng, nhưng chưa có sự cải thiện đáng kể về chất lượng, thiếu tính bền vững và ổn định.

I. NHIỆM VỤ:

1. Công nghiệp trên địa bàn phải chuyển dịch theo hướng tăng nhanh các ngành công nghệ kỹ thuật, có hàm lượng tri thức và giá trị tăng thêm cao, chú trọng đầu tư theo chiều sâu; đồng thời phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và công nghiệp hỗ trợ. Tăng giá trị xuất khẩu, tăng năng suất lao động và tăng giá trị gia tăng, nâng cao trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ là biện pháp cơ bản và lâu dài để phát triển công nghiệp bền vững.

2. Xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển có hiệu quả.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2006 - 2010:

1. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân: 13%/năm.

2. Ưu tiên chuyển dịch cơ cấu kinh tế 4 ngành công nghiệp sau:

- Công nghiệp cơ khí: ưu tiên đầu tư phát triển các sản phẩm cơ khí chính xác, sản xuất và nội địa hóa lắp ráp ô tô, thiết bị gia dụng, các sản phẩm phục vụ xây dựng: máy móc phục vụ công nghiệp chế biến, nông nghiệp. Phần đầu đến năm 2010 công nghiệp cơ khí đạt 20% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố (năm 2005 tỷ lệ này là 15%).

- Điện tử - công nghệ thông tin: ưu tiên đầu tư phát triển các linh kiện, phụ tùng, các sản phẩm điện tử gia dụng và công nghiệp, điện tử - viễn thông, máy tính, các phần mềm xuất khẩu, các dịch vụ điện tử - tin học, dịch vụ trực tuyến và đa truyền thông. Phần đầu đến năm 2010, ngành điện tử - viễn thông đạt 7% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố (năm 2005 tỷ lệ này là 3,2%).

- Hóa chất: ưu tiên đầu tư phát triển các sản phẩm hóa dược, thảo dược, thuốc y tế, các sản phẩm hóa chất kỹ thuật cao, các sản phẩm nhựa cao su (săm, lốp, bao bì, vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng, nhựa kỹ thuật). Phần đầu đến năm 2010 ngành hóa chất đạt 20% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố (năm 2005 tỷ lệ này là 18,2%).

- Chế biến tinh lương thực, thực phẩm: Phần đầu đến năm 2010 ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống duy trì ở mức 17% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố (năm 2005 tỷ lệ này là 17%).

3. Cùng với việc ưu tiên phát triển 4 ngành công nghiệp trên, thành phố chú trọng hỗ trợ một số ngành công nghiệp có tỷ trọng lớn, có thị trường xuất khẩu sau:

- Ngành công nghiệp dệt may - da giày: tập trung phát triển khâu thiết kế - tạo mẫu, xây dựng thương hiệu.

- Ngành sản xuất đồ gỗ, thủ công - mỹ nghệ: tập trung phát triển các sản phẩm gỗ xuất khẩu chế biến từ gỗ nhân tạo, gỗ rừng, chế biến các sản phẩm gỗ tinh chế có giá trị cao và đồ thủ công mỹ nghệ...

4. Năng suất lao động (tính theo giá trị gia tăng/lao động/năm): phấn đấu đạt năng suất 40 triệu đồng/lao động/năm vào năm 2010 (giá cố định năm 1994), tăng 17% so với năm 2005.

III. CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Giải pháp về quy hoạch:

1.1. Triển khai quy hoạch và chuẩn bị sẵn sàng về hạ tầng:

- Xây dựng quy hoạch chi tiết 04 ngành: cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất, chế biến tinh lương thực - thực phẩm.

- Triển khai quy hoạch chi tiết về hạ tầng cho các ngành cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất, chế biến tinh lương thực, thực phẩm, dệt may, da giày, chế biến gỗ và các ngành khác.

- Hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghệ cao và Công viên phần mềm Quang Trung thành mũi đột phá góp phần chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố.

- Xây dựng các cụm công nghiệp chuyên ngành.

- Hoàn chỉnh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn để đảm bảo sẵn sàng về hạ tầng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp.

1.2. Hợp tác các tỉnh:

- Phối hợp với các tỉnh phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến trên địa bàn.

- Tham gia chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long có tính đến an ninh - quốc phòng.

2. Giải pháp về đầu tư:

2.1. Chương trình cung cấp thông tin:

Xây dựng chương trình cung cấp thông tin cho doanh nghiệp công nghiệp, cho các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp. Các thông tin bao gồm:

- Thực trạng công nghiệp trên địa bàn;
- Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các ngành công nghiệp;
- Tình hình đầu tư và hiệu quả đầu tư của từng ngành công nghiệp;
- Tình hình lao động, nơi cung cấp, đào tạo lao động;
- Thông tin về nguồn nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;
- Các điều kiện, tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu,...

2.2. Chương trình xúc tiến đầu tư:

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước trong lĩnh vực công nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ đầu tư, hoạt động xúc tiến đầu tư của thành phố.

- Tổ chức và phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước về xúc tiến đầu tư.

- Xây dựng danh mục dự án thuộc các ngành được khuyến khích kêu gọi đầu tư; cung cấp các chính sách ưu đãi đầu tư.

- Tiến hành xây dựng bản đồ kỹ thuật số giúp nhà đầu tư thuận lợi trong việc xác định vị trí.

2.3. Chương trình hỗ trợ đầu tư:

Các doanh nghiệp thực hiện đầu tư theo đúng định hướng của chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp được thành phố xem xét hỗ trợ về đầu tư thông qua chương trình kích cầu của thành phố.

3. Hỗ trợ trong quản lý:

3.1. Đào tạo nguồn nhân lực:

Lao động là nhân tố quyết định ảnh hưởng đến việc chuyển dịch thành công cơ cấu công nghiệp. Để có nguồn lao động chất lượng cao, thành phố sẽ thực hiện các biện pháp sau:

3.1.1. Quy hoạch mạng lưới các trường dạy nghề, đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ phát triển các ngành nghề mới phù hợp với định hướng phát triển như công nghệ thông tin, điện tử, cơ khí,... Phối hợp với các Hội doanh nghiệp để thành lập các trường chuyên sâu hoặc mở rộng ngành nghề, nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề của các trường, trung tâm thuộc thành phố quản lý.

3.1.2. Phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm dạy nghề, trường trung học công nghiệp để tổ chức các khóa đào tạo mới và đào tạo nâng cao trình độ và tay nghề của cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật. Trên cơ sở đó xây dựng cơ chế liên kết giữa các trường đào tạo và các hội doanh nghiệp.

3.1.3. Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực cho các ngành cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất, chế biến tinh lương thực - thực phẩm, dệt may, da giày, chế biến gỗ,...

3.1.4. Phấn đấu đến năm 2010, thành phố cử ít nhất 40 nhà quản lý, khoa học, giảng viên liên quan đến các ngành cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất, chế biến tinh lương thực, thực phẩm, dệt may, da giày đi đào tạo tại các nước có trình độ công nghiệp phát triển (theo chương trình đào tạo 300 thạc sĩ, tiến sĩ của Thành ủy giai đoạn 2006 - 2010).

3.2. Hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế:

3.2.1. Nâng cao kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho các doanh nghiệp.

3.2.2. Bước đầu hỗ trợ một số doanh nghiệp có sản phẩm công nghiệp chủ lực xây dựng xong lộ trình gia nhập WTO. Trên cơ sở đó, tiến hành phổ biến kinh nghiệm xây dựng lộ trình hội nhập kinh tế cho các ngành cơ khí, điện tử, nhựa - cao su, thực phẩm, gỗ, dệt may, da giày.

3.2.3. Thông qua Hội doanh nghiệp xây dựng chương trình hội nhập kinh tế quốc tế cho các Hội.

3.2.4. Nghiên cứu các hàng rào kỹ thuật tại các nước phát triển để phổ biến cho doanh nghiệp và đề kiến nghị với Trung ương các hàng rào kỹ thuật thích ứng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

3.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp gắn với đổi mới công nghệ và hoạt động quản lý Nhà nước:

Mục tiêu: phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, viện, trường và doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh.

3.3.1. Xây dựng doanh nghiệp có sản phẩm công nghiệp chủ lực trở thành doanh nghiệp chủ lực.

3.3.2. Đánh giá được thực trạng công nghệ của các ngành công nghiệp. Từ đó giúp doanh nghiệp thấy được sự cần thiết phải đổi mới công nghệ.

3.3.3. Tiếp tục triển khai chương trình thiết kế, chế tạo thiết bị có trình độ công

nghệ tiên tiến với chi phí thấp so với nhập khẩu: thành phố hỗ trợ đầu tư và chuyển giao các loại máy móc thiết bị theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp.

3.3.4. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

3.4. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp từng bước làm chủ ba khâu của quá trình sản xuất (Thiết kế - sản xuất - phân phối sản phẩm):

Mục tiêu: giúp doanh nghiệp nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng được tạo ra từ ba khâu thiết kế, sản xuất và phân phối sản phẩm. Nội dung của chương trình bao gồm:

3.4.1. Thiết kế sản phẩm:

- Xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao nhận thức về vai trò và sự cần thiết của hoạt động thiết kế đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

- Xây dựng các trung tâm thiết kế sản phẩm cho các ngành cơ khí, điện tử, nhựa - cao su, gỗ, dệt may, da giày từ ngân sách thành phố. Cơ quan chủ trì thực hiện:

+ Trung tâm thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH): thiết kế sản phẩm cơ khí.

+ Trung tâm đào tạo và thiết kế vi mạch (CADENCE): thiết kế vi mạch.

+ Nâng cấp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo và cao su: thiết kế sản phẩm nhựa - cao su.

+ Trường Trung học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh: hỗ trợ mở thêm ngành đào tạo công nhân cho ngành chế biến gỗ (có thiết kế sản phẩm gỗ).

+ Hội doanh nghiệp Dệt may thêu đan thành phố: Trung tâm thiết kế sản phẩm dệt may.

+ Hội doanh nghiệp Da giày thành phố: Trung tâm thiết kế sản phẩm da giày.

3.4.2. Quản lý sản xuất:

- Đầu tư chiều sâu và mở rộng Trung tâm tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để đáp ứng yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chương trình xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (ISO, SA8000, HACCP, GMP, ...).

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ đối tượng sở hữu trí tuệ: hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Tư vấn hệ thống thông tin điện tử, phần mềm quản lý doanh nghiệp, tư vấn đổi mới công nghệ...

- Xây dựng các biện pháp nâng cao năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp.

3.4.3. Phân phối sản phẩm:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu các sản phẩm công nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp công nghiệp xuất khẩu.

- Xây dựng thông tin thị trường cho các ngành công nghiệp.

- Xây dựng thị trường giao dịch điện tử cho các ngành cơ khí, điện tử, nhựa - cao su, thực phẩm, gỗ, dệt may, da giày.

- Giới thiệu doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ xuất khẩu của thành phố thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại của Chính phủ, của thành phố (tham quan, khảo sát thị trường, hội chợ, triển lãm).

- Nghiên cứu xây dựng chương trình nâng cao năng lực tiếp thị của các doanh nghiệp thuộc các ngành cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất, dệt may, da giày, chế biến gỗ.

4. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo “Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010”.

Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp có nhiệm vụ:

- Xây dựng đề án thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 để trình Ủy ban nhân dân thành phố thông qua trong tháng 12 năm 2006.

- Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức, triển khai thực hiện đề án, chương trình liên quan đến Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp của thành phố đã được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố thông qua và chỉ đạo thực hiện.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo cho Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung tiến độ thực hiện các công tác liên quan đến Chương trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp của thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 165/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2006 - 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ-TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Quyết định số 30/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Quyết định số 251-QĐ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thành ủy về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí thành phố;

Thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

Xét đề nghị của Thanh tra thành phố tại Công văn số 1905/TTTP-VP ngày 18 tháng 10 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2006 - 2010.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động
phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2006 - 2010**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/2006/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ-TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Luật Phòng, chống tham nhũng; Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Chương trình hành động số 13-Ctr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng như sau:

A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Nhằm ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tạo bước chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, lãng phí để giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; củng cố hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng bộ, chính quyền thành phố trong sạch vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm, chính.

2. Yêu cầu:

- Thủ trưởng các cơ quan, các ngành, các cấp từ thành phố, quận - huyện đến phường - xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tạo sự đoàn kết thống nhất về nhận thức và hành động trong nội bộ, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan và phong trào thi đua yêu nước; lấy việc phòng, chống tham nhũng là **nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng bộ máy chính quyền** thật sự “của dân, do dân, vì dân” trong đó, biện pháp

phòng là chính; triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp nêu cao tinh thần tự giác, gương mẫu của cán bộ, công nhân, viên chức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu **cơ quan, tổ chức, đơn vị**.

- Thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tham nhũng và các quy định của Chính phủ, các Bộ - Ngành về phòng, chống tham nhũng; đóng góp tích cực và có hiệu quả vào công tác phòng, chống tham nhũng.

- Sơ kết rút kinh nghiệm kịp thời những việc đã làm và đề ra nhiệm vụ kế hoạch phòng, chống tham nhũng cho thời gian tiếp theo.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Tuyên truyền phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành

1. Giao Sở Tư pháp thành phố chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa và Thông tin, các thành viên trong Hội đồng phối hợp công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thành phố và các ngành chức năng biên soạn tài liệu để phục vụ cho công tác tuyên truyền Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành; phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban Mặt trận các cấp, các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp về các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; các Nghị quyết của Đảng và Chương trình của Chính phủ về phòng, chống tham nhũng (thực hiện trong tháng 11 năm 2006 và có chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về nội dung này, duy trì thường xuyên trên báo, đài thành phố).

2. Trong tháng 11 năm 2006, Thủ trưởng sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện phải hoàn thành việc tổ chức quán triệt Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức đồng thời gắn với việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trong ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

II. Hoạt động của Ban Chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Ban Chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng, lãng phí có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình thực hiện các việc sau (trong tháng 12 năm 2006):

1. Xây dựng chương trình kế hoạch công tác quý IV năm 2006 và năm 2007.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân thành phố với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên; với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trong công tác phòng, chống tham nhũng.

3. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về việc phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng và tố cáo hành vi tham nhũng.

4. Tổ chức kiểm tra việc triển khai, xây dựng kế hoạch và kết quả thực hiện ở các cấp, các ngành và các đơn vị.

III. Ban hành các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố về thi hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn

Trên cơ sở Nghị quyết số 04-NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật có liên quan. Giao các ngành trong quý 4 năm 2006 tập trung nghiên cứu, soạn thảo trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản sau:

1. Sở Nội vụ (hoàn thành trong tháng 11 năm 2006):

- Dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo theo hướng dẫn của Trung ương và Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Thành ủy.

2. Thanh tra thành phố:

Chủ trì phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan dự thảo văn bản cụ thể hóa Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng để trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 12 năm 2006.

3. Sở Tài chính (hoàn thành trong tháng 12 năm 2006):

Chủ trì phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các sở - ngành có liên quan dự thảo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về công khai các quỹ từ thiện, xã hội và các khoản thu từ sự đóng góp của người dân tại cơ sở phường - xã, thị trấn.

4. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở - ngành liên quan (hoàn thành trong tháng 12 năm 2006):

Rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ những quy định không chặt chẽ tạo điều kiện cho tham nhũng phát sinh, những quy định không còn phù hợp với Luật Phòng, chống tham nhũng.

5. Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện có trách nhiệm (hoàn thành trong tháng 11 năm 2006):

- Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng (tại Mục 1 Chương II) quy định cụ thể việc công khai, minh bạch trong các lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức; Thủ trưởng các sở - ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền để ban hành các văn bản nhằm công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan (trừ các lĩnh vực thuộc danh mục bí mật Nhà nước); xây dựng chế độ trách nhiệm, soát xét lại quy chế, kiểm tra kết quả thực hiện quy chế.

- Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn chỉnh, bổ sung các văn bản và kiểm tra việc thực hiện công khai minh bạch trong lĩnh vực tuyển sinh, chuyên trường đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo về nội dung giáo dục công dân trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Sở Nội vụ dự thảo quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức (sự nghiệp công) phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và lĩnh vực hoạt động công vụ của cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương nhằm đảm bảo sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

- Thanh tra thành phố chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và Ban Thi đua Khen thưởng thành phố dự thảo quy định theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách bảo vệ người phát hiện và tố cáo tổ chức và cá nhân có hành vi tham nhũng; chính sách đối với người tự giác, thành khẩn khai báo và khắc phục hậu quả do hành vi tham nhũng gây ra; xây dựng quỹ khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí của thành phố; những việc

vượt thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố thì đề xuất, kiến nghị với Chính phủ.

IV. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, điều tra xử lý các vụ tiêu cực, tham nhũng và kiểm tra việc thực hiện các kết luận xử lý sau khi kiểm tra, thanh tra, điều tra

Thanh tra thành phố, Công an thành phố, các ngành, các cấp cần tăng cường lực lượng, bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực, tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực đã phát hiện; đồng thời tập trung thanh tra, kiểm tra 04 lĩnh vực trọng tâm: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, quản lý thu chi ngân sách và quản lý tài sản công gắn với việc thực thi chức trách công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Chú ý đối với một số lĩnh vực nhạy cảm; những công trình lớn hoặc những công trình dự án có dấu hiệu tiêu cực được dư luận và nhân dân quan tâm; trong quý IV năm 2006, kiểm tra việc thực hiện các kết luận xử lý sau khi kiểm tra, thanh tra, điều tra, nếu không chấp hành thì xử lý nghiêm minh, kiên quyết.

1. Về giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng:

- Ủy ban nhân dân quận - huyện và các sở - ngành thành phố tập trung lực lượng giải quyết dứt điểm những vụ việc tố cáo hành vi tham nhũng còn tồn đọng và mới phát sinh từ cơ sở; xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực.

- Thanh tra thành phố chủ trì phối hợp Văn phòng Tiếp công dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng thành lập một số Đoàn liên ngành tiến hành kiểm tra việc thực hiện Luật Khiếu nại, tố cáo ở một số quận - huyện có nhiều đơn thư vượt cấp, việc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực pháp luật; kiểm tra việc giải quyết các đơn tố cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực.

- Hàng quý vào ngày 15 của tháng cuối quý các quận - huyện, sở - ngành báo cáo việc giải quyết đơn thư tố cáo liên quan đến tham nhũng cho Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí thành phố để tổng hợp báo cáo trình Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Trung ương và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Công an thành phố:

- Chủ động đề ra và thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, chủ động trong việc điều tra phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo pháp luật các vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Phát động phong trào quần chúng tích cực tham gia phát hiện, tố giác tội phạm tham nhũng.

- Thông qua công tác đấu tranh chống tham nhũng tìm ra nguyên nhân, điều kiện sơ hở trong quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, pháp luật; chấn chỉnh trật tự kỷ cương và tăng cường quản lý Nhà nước trên địa bàn.

3. Thanh tra thành phố:

Thực hiện hoàn thành Chương trình công tác thanh tra hàng năm đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Trong đó:

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành cơ bản các Đoàn thanh tra theo Chỉ thị 12 của Ủy ban nhân dân thành phố và 04 lĩnh vực trọng tâm: đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý sử dụng đất đai; quản lý thu chi ngân sách; quản lý tài sản công gắn với thanh tra thực thi chức trách công vụ đối với một số lĩnh vực nhạy cảm, được dư luận quan tâm, cụ thể:

+ Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản: chú ý đến các công trình dự án lớn hoặc những công trình có dấu hiệu tiêu cực dư luận quan tâm và về thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Trong lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai: Thanh tra việc quản lý sử dụng đất đai ở những địa phương có tình hình nổi cộm, trọng tâm là việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình xây dựng trường học, việc thực hiện chính sách bồi thường, tái định cư và việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, việc cấp phép xây dựng, chuyển quyền sử dụng đất gắn với việc thanh tra chức trách công vụ này ở các cơ quan chức năng và ở xã - phường, thị trấn.

+ Trong lĩnh vực quản lý thu chi ngân sách: Thanh tra một số doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cổ phần trong việc xây dựng đơn giá tiền lương, thu chi tài chính; thanh tra việc thu chi ngân sách địa phương ở một số phường - xã, thị trấn và quận - huyện.

+ Trong lĩnh vực quản lý tài sản công: Thanh tra việc chấp hành quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng tài chính, mua sắm tài sản công và sử dụng ô tô; mua sắm trang thiết bị trường học; việc cải tạo, xây dựng trụ sở, tiếp khách, quà biếu; thực hiện chính sách xã hội.

+ Trong một số lĩnh vực khác có tính nhạy cảm, dư luận quan tâm: Thanh tra việc thực hiện chế độ đối với người lao động ở các doanh nghiệp; thanh tra việc quản lý tuyển dụng lao động đi làm việc ở nước ngoài và một số lĩnh vực khác có tính thời sự, phục vụ theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của thành phố trong từng thời kỳ.

Qua công tác thanh tra thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm, tội phạm tham nhũng; kiến nghị xử lý theo thẩm

quyền và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật không còn phù hợp góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách; chấn chỉnh trật tự kỷ cương và tăng cường quản lý Nhà nước trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các Kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra. Chú ý những vụ việc đã có chỉ đạo xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện công bố, công khai Kết luận thanh tra, kiểm tra liên quan đến tham nhũng, lãng phí theo đúng quy định pháp luật.

V. Các biện pháp

Đồng thời với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện có trách nhiệm:

1. Rà soát lại toàn bộ quy trình làm việc, quy trình công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách nhằm sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh để công khai, minh bạch các nhiệm vụ, công việc giải quyết phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hệ thống hóa những quy định về thủ tục, giấy tờ cần thiết và thời hạn giải quyết đối với từng loại công việc, công bố công khai minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và nơi công sở làm căn cứ cho nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện của cán bộ, công chức.

3. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình 09-CTr-TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Thành ủy về Chương trình cải cách hành chính chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trong đó chú ý cải cách cả về thể chế, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, giải quyết các mối quan hệ với dân rõ ràng. Tiếp tục rà soát những cơ chế, chính sách, những quy định không phù hợp, sơ hở, dễ dẫn đến tham nhũng, tiêu cực. Từ đó đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung không ngừng hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản lý Nhà nước, giải quyết những nhu cầu chính đáng của nhân dân để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội, phục vụ tốt nhân dân và doanh nghiệp.

4. Tranh thủ, tuân thủ sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng cơ sở, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao chất lượng học tập, giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan

điểm đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao nhận thức, tư tưởng, tinh thần trách nhiệm, chống mọi biểu hiện sai trái, cơ hội, phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực; phát động phong trào tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị. Xử lý kiên quyết nghiêm minh những tập thể, cá nhân vi phạm, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tham nhũng, tiêu cực có hiệu quả.

5. Tăng cường công tác quản lý cán bộ, trước hết là công tác quản lý, đánh giá, sắp xếp, luân chuyển, bố trí lại cán bộ để củng cố, kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là tại các cơ quan quản lý Nhà nước trọng yếu nhằm đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Kiên quyết thay thế những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, suy thoái về đạo đức, lối sống, giảm sút uy tín, dư luận chê trách.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức trách công vụ của cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí của cán bộ, công chức, viên chức; đề cao tính gương mẫu trong chấp hành pháp luật, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; đồng thời thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng.

7. Thực hiện việc kê khai tài sản của cán bộ, công chức một cách đầy đủ, trung thực. Đánh giá đúng sự trung thực của cán bộ, công chức trong kê khai tài sản; kiểm tra những thu nhập, tài sản bất minh, có dư luận tố cáo của nhân dân; xử lý kiên quyết đối với cán bộ, công chức vi phạm.

8. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ pháp luật, phát hiện xử lý kịp thời, đúng đối tượng tham nhũng, tiêu cực, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng nhằm xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

VI. Tổ chức thực hiện

Căn cứ nội dung Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố, ngay trong tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng triển khai kịp thời kế hoạch thực hiện chương trình hành động phòng, chống tham nhũng của địa phương, ngành, đơn vị mình.

- Chương trình phải cụ thể thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm khả thi. Quy định thời hạn, phân công người chịu trách nhiệm từng khâu công việc, nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức.

- Định kỳ 6 tháng, năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện, Thủ trưởng các sở - ngành có trách nhiệm báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch thực hiện chương trình hành động phòng, chống tham nhũng của địa phương, ngành, đơn vị mình đến Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng, lãnh phí thành phố để tổng hợp tình hình và kết quả công tác phòng, chống tham nhũng của toàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Trung ương và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Ban Chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng, lãnh phí có kế hoạch tổ chức các Đoàn kiểm tra quận - huyện, sở - ngành về việc thực hiện Kế hoạch này.

Kế hoạch này sẽ được bổ sung, sửa đổi khi có quy định mới và theo đề nghị của Ban Chỉ đạo thành phố về phòng, chống tham nhũng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 166/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 48/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội khóa 11;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 166/2006/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để triển khai thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện Chương trình hành động số 13-CTR/TU ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

I. Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo các chương trình cụ thể gồm:

Chương trình 1: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp

1.1. Quản lý thu chi ngân sách:

- Ngành Thuế, Hải quan phải thực hiện công khai, dân chủ, công bằng trong việc ấn định mức thuế từ cơ sở nhằm chống tham nhũng và thất thu thuế.

- Sở Tài chính phối hợp các ngành có liên quan tiếp tục rà soát lại hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ còn thiếu hoặc không phù hợp báo cáo Bộ Tài chính hoặc trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền để làm cơ sở thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan hành chính Nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính gắn với tự chịu trách nhiệm theo

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa đối với các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao.

- Mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phải có dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm phải thực hiện đấu thầu theo quy định tại Thông tư số 121/2000/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ Tài chính. Việc mua sắm phương tiện đi lại thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

Đối với xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác đặc thù của ngành, căn cứ yêu cầu thực tế thật cần thiết và khả năng cân đối ngân sách quận - huyện, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo Hội đồng nhân dân quận - huyện xem xét quyết định.

- Thực hiện cơ chế thanh toán qua ngân hàng, kho bạc đối với việc mua sắm tài sản công, các khoản thu của hải quan, thu thuế doanh nghiệp; các khoản thu, chi ngân sách được thực hiện qua hệ thống thanh toán điện tử của Kho bạc Nhà nước.

- Bố trí ngân sách Nhà nước cho những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cần ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền tuyển chọn, phê duyệt; không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa đủ thủ tục, không ứng dụng được vào thực tế.

- Bảo đảm các điều kiện để thực hiện các chương trình mục tiêu theo đúng tiến độ quy định và có hiệu quả; tổ chức lồng ghép các chương trình có cùng tính chất, thực hiện trên cùng một địa bàn; giảm chi phí quản lý chương trình, chi phí trung gian, tập trung kinh phí chương trình cho đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

- Thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách Nhà nước và các nguồn tài chính được giao, công khai mua sắm phương tiện đi lại, công khai quản lý, sử dụng trụ sở làm việc trong cơ quan, đơn vị để tạo điều kiện kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đưa công tác này thành nề nếp trong các cơ quan, đơn vị.

- Thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải đưa thành nội dung kế hoạch thanh tra của các cấp, các ngành nhằm phát hiện và ngăn ngừa kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

1.2. Quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc:

- Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, trong phạm vi quản lý của mình thực hiện việc kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc đang quản lý để bố trí sử dụng hợp lý, đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức Nhà nước thực hiện rà soát diện tích sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm bảo toàn quỹ đất được giao, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, sắp xếp lại nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước; kiên quyết thu hồi diện tích nhà, đất bỏ trống, cho thuê, sử dụng không đúng mục đích được giao.

1.3. Quản lý vốn và tài sản Nhà nước trong doanh nghiệp:

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, ngăn chặn kịp thời tiêu cực, sai trái trong định giá, đấu giá tài sản của doanh nghiệp, xác định tỷ lệ giá trị tài sản của Nhà nước trong giá trị tài sản của doanh nghiệp cổ phần; công khai hóa việc mua bán cổ phần của doanh nghiệp được chuyển đổi. Kiên quyết không chuyển giao nhà, đất mà doanh nghiệp cho thuê, bỏ trống, sử dụng không hiệu quả khi thực hiện cổ phần hóa.

- Tổng Giám đốc, Giám đốc các Công ty Nhà nước phải thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật về tài chính trong doanh nghiệp, công khai quản lý, sử dụng mặt bằng, nhà xưởng, mua sắm trang bị tài sản, phương tiện đi lại...

- Thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những người được giao quản lý các doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện các giao dịch kinh doanh với doanh nghiệp thuộc sở hữu của người thân.

1.4. Ban hành quy định thực hiện Thông tư số 98/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về trách nhiệm bồi thường vật chất và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức khi gây thiệt hại tiền của, tài sản của Nhà nước và nhân dân theo quy định của pháp luật.

Chương trình 2: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước, tiền và tài sản Nhà nước

2.1. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch:

Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch xây

dựng phải phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, với khả năng của nền kinh tế và bảo đảm có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch được duyệt phải công khai theo quy định của pháp luật.

2.2. Lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư:

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng; phù hợp với khả năng bố trí nguồn vốn; đạt hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tất cả các dự án đầu tư trước khi quyết định đầu tư đều phải xác định rõ nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đúng tiến độ. Bố trí vốn ngân sách theo nguyên tắc tập trung, tuyệt đối không bố trí dàn trải vốn đầu tư, gây nợ đọng khối lượng xây dựng.

2.3. Trong khảo sát, thiết kế xây dựng công trình:

- Việc khảo sát, thiết kế xây dựng công trình tuân thủ đúng quy trình, quy phạm khảo sát, thiết kế do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình phải theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2.4. Lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình:

Việc lập thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình phải căn cứ vào định mức, đơn giá, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và phù hợp với thiết kế xây dựng công trình đã phê duyệt. Tuyệt đối không có trường hợp điều chỉnh tổng dự toán công trình trái với quy định của pháp luật.

2.5. Lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư:

Dự án đầu tư phải được thông báo công khai việc mời thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát.

2.6. Thực hiện dự án, đấu thầu, thi công công trình:

- Thực hiện nghiêm túc Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng trong quá trình triển khai dự án đầu tư và thi công công trình.

- Dự án đầu tư chỉ được thực hiện, công trình chỉ được thi công khi dự án đầu

tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đủ nguồn vốn theo tiến độ. Đình chỉ hoặc hủy bỏ các dự án đầu tư được duyệt không nằm trong quy hoạch, không bảo đảm các điều kiện quy định, không đúng quy trình, thủ tục đầu tư.

- Việc giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. Việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải công khai, khách quan, công bằng và theo quy định của pháp luật.

- Việc thi công công trình tuân thủ đúng thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; đúng tiến độ thi công đã được phê duyệt. Tất cả các chủ đầu tư, chủ dự án phải chịu trách nhiệm kiểm tra, yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng thời gian thi công, thi công đúng thiết kế, sử dụng đúng nguyên liệu, vật liệu theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm chất lượng công trình và tiến độ thi công.

- Tổ chức tư vấn giám sát thi công công trình có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với chủ đầu tư, chủ dự án; phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi tiêu cực, gây lãng phí trong quá trình thi công. Đảm bảo chất lượng công trình; ngăn chặn thông đồng giữa tổ chức tư vấn giám sát thi công công trình với chủ đầu tư, chủ dự án và nhà thầu để thu lợi bất chính.

- Ngăn chặn tình trạng người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và nhà thầu cùng một cơ quan, đơn vị để chống tình trạng khép kín trong đầu tư xây dựng.

- Bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất làm nhiệm vụ quản lý dự án.

2.7. Cấp, thanh toán, quyết toán vốn cho dự án đầu tư:

- Đảm bảo cấp vốn cho dự án đúng tiến độ, trong phạm vi tổng dự toán, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu đã được duyệt; việc thanh toán vốn đầu tư theo đúng khối lượng hoàn thành được nghiệm thu; việc kiểm tra, giám sát sử dụng vốn và thẩm tra quyết toán công trình phải đúng quy định về quản lý vốn đầu tư. Không ứng trước vốn từ ngân sách Nhà nước cho dự án chưa được phê duyệt.

- Đối với dự án đầu tư đã được phê duyệt và bố trí vốn, nhưng chậm khởi công xây dựng, thực hiện điều chuyển vốn cho dự án đầu tư khác theo quy định hiện hành.

2.8. Bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư:

- Việc bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư phải phù hợp với danh mục dự án đầu tư được duyệt, tính chất, quy mô, tiến độ, yêu cầu của dự án đầu tư và khả năng

của ngân sách Nhà nước. Vốn ngân sách Nhà nước được sử dụng để tập trung đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng và dự án khác không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nhằm ngăn chặn việc chuyển nguồn vốn vay trong dự án đầu tư thành nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp, trừ trường hợp có nguyên nhân khách quan được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Chương trình 3: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nhà công vụ

- Nhà công vụ chỉ được sử dụng cho cán bộ, công chức thuê để ở và sinh hoạt theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và diện tích theo quy định trong thời gian công tác tại thành phố Hồ Chí Minh theo sự phân cấp quản lý của thành phố; không được sử dụng cho mục đích khác, không được chuyển thành tài sản của doanh nghiệp, tổ chức hoặc sở hữu cá nhân.

- Cơ quan quản lý nhà công vụ phải thường xuyên kiểm tra về tình trạng sử dụng và việc chấp hành nội quy sử dụng nhà công vụ. Trường hợp không còn đủ điều kiện sử dụng nhà công vụ như: chuyển công tác, sử dụng không đúng mục đích, tự ý sang nhượng hoặc chiếm dụng thì cơ quan quản lý nhà công vụ chịu trách nhiệm xử lý theo quy định.

- Đối với tổ chức, cá nhân bố trí, quản lý, sử dụng nhà công vụ không đúng quy định, phải được xử lý trách nhiệm hành chính; nếu làm thất thoát tài sản Nhà nước, thì tùy theo mức độ sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Chương trình 4: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các công trình phúc lợi công cộng

- Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng (công viên, cầu, đường, vệ sinh môi trường,...) phải có kế hoạch bảo quản, khai thác, tu bổ và sử dụng có hiệu quả.

- Mở rộng thực hiện cơ chế khoán chi, đấu thầu công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, duy tu giao thông, công tác quét thu gom, vận chuyển, xử lý rác.

- Năm 2007, thực hiện đấu thầu vận chuyển hành khách công cộng để nâng cao chất lượng dịch vụ công, tiết kiệm chi phí, giảm trợ giá.

- Năm 2007, triển khai thực hiện đề án: Tổ chức và cá nhân tham gia chi trả phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác, nhằm nâng cao ý thức cộng đồng bảo vệ môi trường, thu hút mạnh nguồn vốn trong xã hội để giảm một phần chi từ ngân sách.

Chương trình 5: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận - huyện thường xuyên kiểm tra các quy hoạch sử dụng đất để đề xuất điều chỉnh hoặc bãi bỏ các quy hoạch không còn phù hợp; kiểm tra việc công khai minh bạch trong công tác quy hoạch sử dụng đất; lập kế hoạch điều chỉnh các quy hoạch không phù hợp gây hạn chế trong việc phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Kiên quyết xử lý, thu hồi các trường hợp được giao đất nhưng không sử dụng đúng mục đích, đúng thời hạn.

- Hoàn thành quy hoạch để làm cơ sở quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên: nước, khoáng sản, rừng và các nguồn tài nguyên khác trên địa bàn thành phố, chấm dứt tình trạng khai thác trái phép các nguồn tài nguyên, khoáng sản, gây lãng phí, thất thoát và ảnh hưởng đến môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận - huyện tăng cường kiểm tra phát hiện, chịu trách nhiệm xử lý kịp thời mọi hành vi vi phạm về quản lý, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Đối với quỹ đất dành cho các dự án kinh doanh hạ tầng đô thị, trung tâm thương mại, nhà ở, các cơ sở dịch vụ có vị trí kinh doanh thuận lợi phải thực hiện cơ chế đấu thầu công khai.

Chương trình 6: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước

6.1. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Từ nay đến năm 2010, để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, các cấp, các ngành từ thành phố đến cơ sở cần xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước một cách khoa học dựa trên các yếu tố như: đối tượng đào tạo, loại hình đào tạo, thời gian, sự cần thiết phải đào tạo. Trong đó cần chú ý các nội dung sau:

- Đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh: trên cơ sở quy hoạch cán bộ, công chức 5 năm và hàng năm, các cơ quan, đơn vị cần xác định các chức danh, số lượng và khối lượng từng chức danh cần được đào tạo, bồi dưỡng. Từ đó, xác định nội dung cần đào tạo, bồi dưỡng một cách thiết thực, hàng năm đơn vị có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết đối với các chức danh đó, nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức. Hạn chế việc đào tạo dàn trải không rõ mục đích, gây lãng phí thời gian, công sức, tiền của.

Ngoài ra các đơn vị cần thực hiện tốt công tác quy hoạch các chức danh thuộc diện cán bộ chủ chốt để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn sẵn sàng đáp ứng việc bổ nhiệm khi có nhu cầu.

- Từng bước khắc phục và đi đến chấm dứt tình trạng trùng lặp các chương trình trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Để tiết kiệm công sức, thời gian, chi phí cho Nhà nước và người học, các trường và cơ sở đào tạo thuộc thành phố cần nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình các lớp học (lớp bồi dưỡng, trung cấp, cử nhân...) sao cho nội dung không trùng lặp, rút ngắn thời gian học, không dạy lại những nội dung mà người học đã được học ở trình độ tương đương, chú trọng hơn việc liên hệ với thực tiễn, giải quyết tình huống bởi đối tượng đào tạo đa số là những cán bộ, công chức đã được đào tạo ở bậc Đại học, có lý luận và kinh nghiệm thực tiễn (Ví dụ: người đã tốt nghiệp Đại học chỉ cần học thêm môn xây dựng Đảng được công nhận trình độ trung cấp chính trị khi xét bổ nhiệm).

- Đổi mới việc đánh giá chất lượng đào tạo: Sau khi được đào tạo, bồi dưỡng, ngoài chứng chỉ, văn bằng được cấp, hàng năm cơ sở đào tạo cần phối hợp với đơn vị sử dụng cán bộ, công chức tổ chức khảo sát đánh giá kết quả và hiệu suất làm việc của cán bộ, công chức với các tiêu chí thích hợp. Kết quả và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức là thước đo chính của kết quả đào tạo.

6.2. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước:

- Xác định công việc các chức danh:

+ Để đảm bảo bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức cần xác định rõ các công việc mà cán bộ, công chức phải làm; khối lượng công việc phải hoàn thành; khả năng hoàn thành, đó là cơ sở quan trọng để đánh giá năng lực cán bộ, công chức.

+ Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, phân công công việc, bố trí sắp xếp nhân sự, xác định lại các chức danh cần thiết, qua đó có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, luân chuyển, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với năng lực sở trường, qua đó tạo điều kiện cho cán bộ, công chức phát huy hết khả năng chuyên môn, hạn chế tình trạng bố trí trái ngành nghề vừa lãng phí vừa tốn kém chi phí đào tạo lại.

- Giảm thời gian hội họp:

+ Cơ quan được chủ trì nghiên cứu đề xuất một đề án, một chủ trương, một công việc phải chủ động chuẩn bị và lấy ý kiến các cơ quan liên quan. Nội dung Trình

ghi rõ điểm nào còn ý kiến khác nhau. Khi cần thiết tổ chức cuộc họp chỉ bàn những vấn đề có ý kiến khác nhau, không trình bày lại toàn bộ nội dung. Chánh văn phòng các cơ quan, đơn vị chỉ xếp lịch họp khi việc chuẩn bị đạt yêu cầu.

+ Phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân của người lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị theo chức năng, thẩm quyền đã được quy định, những công việc không thuộc trách nhiệm tập thể thì không nhất thiết họp (trừ những trường hợp đặc biệt cần thiết).

- Phân cấp công tác tuyển dụng công chức:

Thực hiện phân cấp công tác tuyển dụng công chức cho các đơn vị có nhu cầu cần sử dụng công chức, song phải được công khai tiêu chuẩn, chức danh cần tuyển để bảo đảm tính công khai minh bạch, cạnh tranh, công bằng trong tuyển dụng. Sở Nội vụ thành phố chỉ xem xét, bổ nhiệm vào ngạch, bậc cho công chức khi hết thời gian tập sự hoặc dự bị, trên cơ sở đề xuất của đơn vị sử dụng công chức. Mở rộng việc thi tuyển công chức từ thành phố đến cơ sở.

Chương trình 7: Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng của nhân dân

- Sở Văn hóa và Thông tin chủ trì phối hợp với các ngành chức năng liên quan xây dựng mô hình mẫu về tổ chức lễ hội, đám cưới, đám tang và các hoạt động văn hóa khác, đảm bảo triệt để tiết kiệm, lành mạnh, văn minh và giữ gìn thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hóa dân tộc để vận động nhân dân thực hiện, tạo dư luận xã hội hưởng ứng các mô hình mẫu; phê phán các hiện tượng xa hoa, lãng phí trái với thuần phong mỹ tục; hướng dẫn các quận - huyện, phường - xã, thị trấn vận động nhân dân thực hiện các quy chế, quy ước về tổ chức lễ hội, đám cưới, đám tang và các hoạt động văn hóa khác; theo dõi và chỉ đạo thực hiện thông qua hệ thống Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở các cấp.

- Cán bộ, công chức Nhà nước phải gương mẫu thực hiện những mô hình mẫu quy chế, quy ước về tổ chức lễ hội, đám cưới, đám tang và những hoạt động văn hóa khác đã hướng dẫn và vận động nhân dân cùng thực hiện, tạo phong trào sâu rộng trong toàn thành phố.

- Các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố cần tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong đảng viên, cán bộ, công nhân viên và quần chúng nhân dân tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TW của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Phát huy vai trò của cơ quan, đơn vị, của địa phương nơi cán bộ, công chức, đảng viên cư trú trong

việc giám sát “Cán bộ, công chức, đảng viên thực hiện văn minh trong việc cưới”. Đồng thời lồng ghép những nội dung này vào các tiêu chuẩn khi xem xét, đánh giá, bình chọn các danh hiệu văn hóa như: Gia đình văn hóa, ấp - khu phố văn hóa, đơn vị văn hóa, công sở văn minh - sạch đẹp - an toàn, phường - xã, thị trấn văn hóa của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở.

- Các cơ quan thông tin tuyên truyền đại chúng như báo, đài đẩy mạnh việc định hướng dư luận, xây dựng ý thức chấp hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cán bộ, công chức, Đảng viên và quần chúng nhân dân, thông qua các bài báo, tin phóng sự nêu gương điển hình tiêu biểu và mạnh dạn phê phán các hiện tượng lãng phí tiền bạc, thời gian, tài sản của Nhà nước và nhân dân. Thông qua cơ quan ngôn luận, báo, đài nhân rộng các mô hình văn minh tiết kiệm trong việc tang, việc cưới và lễ hội, mô hình biến lễ tang đau thương thành hoạt động xã hội từ thiện, vận động từ việc tang đóng góp ủng hộ cho người nghèo và hoạt động xã hội từ thiện khác.

II. Tổ chức thực hiện:

1. Giao trách nhiệm Thủ trưởng các sở - ngành sau đây triển khai cụ thể từng Chương trình để Ủy ban nhân dân thành phố ban hành từ nay đến tháng 12 năm 2006:

- Sở Tài chính trực tiếp triển khai Chương trình 1 và là cơ quan tổng hợp Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo nội dung chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp triển khai Chương trình 2.

- Sở Xây dựng trực tiếp triển khai Chương trình 3.

- Sở Giao thông - Công chính trực tiếp triển khai Chương trình 4; riêng nội dung khoán, đấu thầu công tác vệ sinh môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp triển khai.

- Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp triển khai Chương trình 5.

- Sở Nội vụ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp triển khai Chương trình 6.

- Sở Văn hóa và Thông tin trực tiếp triển khai Chương trình 7.

2. Yêu cầu:

Thủ trưởng các sở - ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và kế hoạch nêu trên xây dựng chương trình kế hoạch hành động cụ thể thực hiện ở cơ quan, đơn

vị mình từ năm 2006 đến năm 2010 và hướng dẫn các đơn vị cơ sở triển khai kế hoạch thực hiện tại từng đơn vị cơ sở và định kỳ 06 tháng, năm, các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai 07 Chương trình nêu trên có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và lãng phí thành phố để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương và Chính phủ theo quy định (đồng gửi 01 bản cho Sở Tài chính để giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp theo dõi thực hiện Kế hoạch này)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

LIÊN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG – CỤC THUẾ THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
LIÊN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG - CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2006

Số: 10738/HD-LS

HƯỚNG DẪN Về ghi nợ tiền sử dụng đất

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần thì:

“Hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở hoặc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này và hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này, nếu chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước thì được ghi nợ số tiền sử dụng đất phải nộp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số tiền sử dụng đất ghi nợ được tính theo giá đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Trong khi chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể ghi nợ tiền sử dụng đất và để đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh, Liên Sở Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế thành phố hướng dẫn tạm thời việc thực hiện ghi nợ tiền sử dụng đất như sau:

1. Về đối tượng ghi nợ tiền sử dụng đất:

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), được chuyển mục đích từ đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao) sang làm đất ở thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ mà có nguyện vọng ghi nợ tiền sử dụng đất thì được ghi nợ tiền sử dụng đất.

Người sử dụng đất phải cam kết thực hiện nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật khi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính có quy định khác.

2. Về trình tự thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất:

- Người sử dụng đất thuộc đối tượng ghi nợ tiền sử dụng đất theo điểm 1 nêu trên phải có đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất.

- Đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất được gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện (nếu thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nhu cầu và chuyển mục đích sử dụng đất) hoặc gửi đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (nếu thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kế hoạch); đồng thời với đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất.

- Sau khi hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập phiếu chuyển (kèm hồ sơ địa chính) gửi cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định. Trên phiếu chuyển này phải ghi rõ trường hợp có nguyện vọng ghi nợ tiền sử dụng đất (kèm theo đơn ghi nợ tiền sử dụng đất của người sử dụng đất).

- Chi Cục Thuế có trách nhiệm tính, thông báo tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ phải nộp và lập phiếu báo xác định số tiền sử dụng đất phải nộp gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ số tiền sử dụng đất do cơ quan thuế xác định, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc ghi nợ tiền sử dụng đất trên giấy chứng nhận.

- Người sử dụng đất liên hệ với Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nhu cầu và chuyển mục đích sử dụng đất) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (nếu thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kế hoạch) để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi thực hiện xong nghĩa vụ lệ phí trước bạ.

* Đối với trường hợp khi nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan thuế, người sử dụng đất mới có đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất thì đơn ghi nợ được gửi đến cơ quan Thuế.

Căn cứ phiếu báo của Chi Cục Thuế về việc xác định số tiền sử dụng đất phải nộp kèm theo đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất của người sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện ghi nợ tiền sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người sử dụng đất liên hệ với Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nhu cầu và chuyển mục đích sử dụng đất) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (nếu thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kế hoạch) để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi thực hiện xong nghĩa vụ lệ phí trước bạ.

Trên đây là nội dung hướng dẫn tạm thời việc ghi nợ tiền sử dụng đất của Liên Sở Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế thành phố, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh để cùng phối hợp giải quyết./.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đào Anh Kiệt

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Đình Tấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: - Phòng Tài nguyên và Môi trường quận (huyện)
(hoặc UBND xã, phường, thị trấn)
- Chi Cục Thuế

Tôi tên:

Thường trú:

Hiện tôi đang lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc đang lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất) đối với khu đất

Do gia đình chúng tôi chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước nên kính đề nghị Quý cơ quan chấp thuận cho gia đình chúng tôi được ghi nợ tiền sử dụng đất.

Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính có quy định khác, tôi cam kết sẽ thực hiện nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Người làm đơn
(ký tên, ghi rõ họ tên)

QUẬN 12**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 180/2006/QĐ-UBND

*Quận 12, ngày 06 tháng 11 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu
các vụ đình công trên địa bàn quận 12****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 35/2006/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-UBND-LĐ ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận về thành lập các đoàn công tác giải quyết bước đầu những vụ đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn quận 12;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình công trên địa bàn quận 12.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau bảy ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, Chủ tịch Liên đoàn Lao động quận, các đoàn công tác và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình công trên địa bàn quận 12

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 180/2006/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 12)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của việc ban hành quy chế

- Nhằm ổn định an ninh trật tự trên địa bàn quận 12, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động.

- Ủy ban nhân dân quận 12 quy định việc giải quyết bước đầu các vụ đình công ở các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, các hình thức sở hữu (gọi chung là doanh nghiệp) hoạt động trên địa bàn quận 12.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan phòng, ban, ngành, phường, doanh nghiệp có liên quan trong việc tham gia giải quyết bước đầu các vụ đình công diễn ra tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn quận.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý công việc

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bình đẳng, công khai, rõ ràng, trung thực, đúng pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC XỬ LÝ BƯỚC ĐẦU

Điều 4. Thành lập đoàn công tác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập hai đoàn công tác giải

quyết bước đầu các vụ đình công (sau đây gọi tắt là đoàn công tác) tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn quận.

2. Đoàn công tác gồm các thành viên đại diện các cơ quan, ban, ngành quận, phường như sau:

- a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- b) Phòng Kinh tế;
- c) Công an quận, Trưởng Công an phường;
- d) Ban chỉ huy Quân sự quận, Phường Đội trưởng;
- e) Liên đoàn Lao động quận;
- f) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường.

3. Các cơ quan là thành viên của đoàn công tác có trách nhiệm cử cán bộ tham gia đoàn và thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 197/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 12.

Điều 5. Quy định phối hợp giải quyết, xử lý bước đầu các vụ đình công

1. Khi nhận được thông tin xảy ra đình công

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Liên đoàn Lao động quận là cơ quan thường trực tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cử đoàn công tác 1 hoặc 2 đi làm nhiệm vụ. Đồng thời phân công người xuống ngay hiện trường.

- Trưởng đoàn điện thoại ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thẩm định lại thông tin, đồng thời thông báo đến các thành viên trong đoàn.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội điện báo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

- Thành viên Công an báo cáo Trưởng Công an quận.

- Thành viên Ban chỉ huy Quân sự quận, báo cáo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự.

- Liên đoàn Lao động quận điện báo Thường trực Quận ủy, Trưởng Ban dân vận.

Nội dung:

- Địa điểm xảy ra đình công, nắm rõ nguyên nhân tính chất vụ việc đình công, mức độ phức tạp của đình công, số lượng công nhân tham gia đình công.

- Thường xuyên giữ liên lạc thông tin với lãnh đạo, với đoàn công tác.

- Xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

2. Sau 30 phút xảy ra đình công:

- Các thành viên phải có mặt tập trung tại địa điểm xảy ra đình công.

- Đoàn công tác dùng phương tiện cá nhân đến địa điểm đình công, tập kết tại cổng chờ phân công của Trưởng đoàn.

- Riêng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Trưởng Công an phường, Phường Đội trưởng đến ngay địa điểm xảy ra đình công (trong thời gian 30 phút).

3. Tại địa điểm xảy ra đình công.

- Tùy theo tính chất phức tạp của cuộc đình công nếu đông người và không khí “rất nóng” ngay lập tức Liên đoàn Lao động quận và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội bằng mọi biện pháp phải “hạ nhiệt” ổn định tình hình; kêu gọi công nhân bình tĩnh, tránh bạo động đập phá...

- Tiếp cận nhanh nhóm công nhân cầm đầu cuộc đình công nắm rõ các yêu sách, đề nghị cử người đại diện tham gia giải quyết đình công.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế tiếp xúc với người sử dụng lao động hoặc người có thẩm quyền đại diện cho người sử dụng lao động.

- Liên đoàn Lao động quận tiếp xúc với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và Hội đồng Hòa giải lao động cơ sở (nếu có), tiếp xúc với tập thể người lao động hoặc đại diện người lao động (ở những nơi chưa có tổ chức công đoàn).

- Công an quận, Ban chỉ huy Quân sự quận triển khai kế hoạch nắm tình hình theo nghiệp vụ chuyên môn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường tham gia tìm hiểu, nắm tình hình, cung cấp những thông tin liên quan trên địa bàn phường, cùng vận động công nhân ổn định tình hình trật tự.

- Công an phường, Phường đội triển khai lực lượng bảo vệ đoàn công tác, nhanh chóng ổn định tình hình trật tự tại khu vực xảy ra đình công.

➤ **Sau 30 phút nắm tình hình:** Trưởng đoàn mời thành viên đoàn công tác, đại diện người sử dụng lao động, đại diện người lao động về văn phòng doanh nghiệp để thống nhất biện pháp giải quyết.

➤ **Tại văn phòng doanh nghiệp:**

- Trưởng đoàn tuyên bố lý do cuộc họp bắt đầu, giới thiệu thành phần đoàn công

tác, cử thư ký cuộc họp;

- Đại diện người sử dụng lao động tự giới thiệu;
- Đại diện người lao động tự giới thiệu;
- Trưởng đoàn đề nghị người lao động trình bày ý kiến và đề xuất kiến nghị;
- Trưởng đoàn đề nghị đại diện người sử dụng lao động trình bày sự việc và cung cấp hồ sơ liên quan đến vụ việc;
- Trưởng đoàn đề nghị Ban chấp hành Công đoàn cơ sở có ý kiến (nếu có);
- Trưởng đoàn mời thành viên đoàn công tác có ý kiến.

➤ **Trưởng đoàn kết luận đưa ra hướng giải quyết:**

- Thư ký đọc lại biên bản;
- Các thành viên, đại diện người sử dụng lao động, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, người lao động cùng ký tên vào biên bản.

4. Trao đổi, hướng dẫn, vận động thuyết phục người lao động và người sử dụng lao động tiến hành thương lượng, hòa giải trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên.

Trong trường hợp hai bên không hòa giải được, đoàn công tác hướng dẫn người lao động hoặc người sử dụng lao động thực hiện quy trình tranh chấp lao động đúng quy định pháp luật.

5. Đoàn công tác báo cáo kết quả giải quyết bằng văn bản:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố;
- Thành viên Ban chỉ huy Quân sự quận, báo cáo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự quận.
- Thành viên công an báo cáo Trưởng Công an quận;
- Liên đoàn Lao động báo cáo Thường trực Quận ủy, Trưởng Ban dân vận, Liên đoàn Lao động thành phố.

(Thống nhất nội dung báo cáo về nguyên nhân, số lượng đình công, biện pháp giải quyết)

Điều 6. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn công tác

1. Trưởng đoàn:

- Chịu trách nhiệm trước Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận, giải quyết vụ việc đình công xảy ra.

- Báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Có quyền phân công các thành viên thực hiện nhiệm vụ tại địa điểm xảy ra đình công.

- Kết luận cuộc họp hòa giải tại doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp giải quyết.

2. Các thành viên:

- Chấp hành sự phân công của Trưởng đoàn;

- Tham gia thực hiện nhiệm vụ được phân công;

- Phối hợp, đưa ra ý kiến giải quyết đúng pháp luật;

- Tôn trọng nguyên tắc giải quyết sự việc.

3. Sau khi giải quyết đình công:

- Trưởng đoàn tổ chức thời gian thích hợp để họp đoàn công tác rút kinh nghiệm.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận tiếp tục theo dõi việc giải quyết những thỏa thuận của các bên và báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 7. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Người sử dụng lao động hoặc đại diện người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ trung thực, khách quan, hợp tác với đoàn công tác. Tổ chức tiến hành giải quyết bước đầu các vụ tranh chấp.

2. Cùng với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở thực hiện những thỏa thuận hai bên đã đạt được trong quá trình hòa giải, giải quyết của đoàn công tác.

Điều 8. Trách nhiệm của người lao động

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự và an toàn công cộng.

2. Chấp hành sự lãnh đạo của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.

3. Chấp hành nội quy lao động của đơn vị và thỏa ước lao động tập thể đã ký.

4. Cung cấp các thông tin trung thực, khách quan, các tài liệu mà mình biết được, hợp tác với đoàn công tác, tiến hành giải quyết bước đầu các vụ tranh chấp dẫn đến đình công.

5. Thực hiện đầy đủ các cam kết mà 2 bên thỏa thuận được.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự quận, Chủ tịch Liên đoàn Lao động quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường, Trưởng Công an phường, Phường Đội trưởng triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 10. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có trách nhiệm tham mưu Thường trực Ủy ban nhân dân quận kinh phí cho đoàn công tác hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định. Sau khi thống nhất ý kiến với Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự quận, Chủ tịch Liên đoàn Lao động quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Quang

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng